

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Điều 2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2711-QĐ/TU, ngày 12/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Như Điều 2,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Lưu VPTU.y

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nghiêm Xuân Thành

QUY CHẾ

Công tác dân vận của hệ thống chính trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 939 QĐ/TU, ngày 28/01/2022
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác dân vận; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thực hiện hiệu quả công tác dân vận; nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu đối với công tác dân vận; thường xuyên học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức và thực hiện phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân theo Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy chế này xác định trách nhiệm, phương thức thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính trị.

Điều 3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, phân công lãnh đạo, cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân vận.

Chương II

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

I. TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 4. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo toàn diện công tác dân vận của hệ thống chính trị địa phương thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về lĩnh vực công tác dân vận.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành

Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, như:

2.1. Lãnh đạo, cụ thể hoá chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các giai cấp và tầng lớp xã hội, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài. Lãnh đạo việc thực hiện cơ chế giám sát đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2.3. Ban hành hoặc chuẩn bị cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành chủ trương lãnh đạo các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2.4. Lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia góp ý xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.5. Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; bố trí, giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng.

2.6. Định kỳ quý, 06 tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết, làm việc với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức liên quan cấp tỉnh về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

2.7. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác dân vận.

Điều 5. Ban Dân vận Tỉnh ủy

1. Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận về công tác dân vận của tỉnh; sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương về công tác dân vận của Đảng; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận thuộc lĩnh vực công tác dân vận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về công tác dân vận.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận; theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (tình hình dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp trong xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân) để báo cáo và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo.

5. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước về nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận của các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trước khi trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tham gia thẩm định những đề án, chương trình, kế hoạch thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác dân vận.

6. Tham gia công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và ban dân vận của cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tỉnh; Thường trực Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh.

7. Định kỳ 3 tháng, 6 tháng và năm tổ chức giao ban công tác dân vận với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, ban dân vận các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Điều 6. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

1. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương, chính sách đối với công tác dân vận; chuẩn bị dự thảo các văn bản về công tác dân vận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

2.1. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận; phối hợp thẩm định trình dự thảo các nội dung về công tác dân vận.

2.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ của hệ thống dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng theo quy định.

2.3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp Ban Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận và tuyên truyền, cổ vũ các mô hình, điển hình “Dân vận khéo”.

2.4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

2.5. Ban Nội chính Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và văn bản của Đảng về công tác tiếp công dân, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2.6. Trường Chính trị tỉnh phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy đưa nội dung công tác dân vận vào chương trình học các lớp lý luận Chính trị - Hành chính và các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có liên quan.

Điều 7. Ban cán sự đảng, đảng đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

3. Phối hợp với lãnh đạo cơ quan để lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận gắn với chuyên môn ngành.

Điều 8. Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận; kịp thời ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác dân vận.

2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, định hướng hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát đối với hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên ở địa phương và hoạt động phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo, phân công người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, giải quyết các vấn đề phức tạp trên địa bàn.

4. Định kỳ giao ban, làm việc thường trực cấp ủy với ban dân vận, chính quyền, lực lượng vũ trang, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có kiến thức, kỹ năng về công tác dân vận.

Đề lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác dân vận của cả hệ thống chính trị, phân công đồng chí bí thư đảng ủy cấp xã làm trưởng khối dân vận, phân công 01 cấp ủy viên phụ trách phó khối dân vận chuyên trách cấp xã và đồng chí bí thư chi bộ ấp, khu vực làm công tác dân vận tại nơi cư trú.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện công tác dân vận.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận thành nghị quyết, chương trình và chính sách của Nhà nước phù hợp tại địa phương.

2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; giám sát các cơ quan, tổ chức giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân; hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

3. Tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, theo dõi các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri và nhân dân.

4. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật; trong thực hiện giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của tỉnh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

5. Thực hiện tốt hoạt động giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và việc tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật đối với những vấn đề nhân dân quan tâm.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận thành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân.

2. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác dân vận chính quyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước về công tác dân vận. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, những nhiễu, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân trong thi hành công vụ.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

4. Chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và đối thoại giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

5. Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia quản lý nhà nước; giám sát cán bộ, công chức thực thi pháp luật và hoạt động của cơ quan chính quyền các cấp.

Định kỳ có chương trình phối hợp, làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong quần chúng nhân dân.

6. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

7. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, phát thanh truyền hình thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; phản ánh, nêu gương điển hình tập thể và cá nhân thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận gắn với nhiệm vụ chính trị của ngành.

2. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hành dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

4. Thực hiện có hiệu quả các quy định về dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý tiêu cực, tham nhũng, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vấn đề bức xúc của nhân dân theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân.

2. Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, thực hiện tranh tụng tại phiên tòa theo luật định, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; thực hiện tốt đối thoại, hoà giải tại tòa án.

3. Cải cách thủ tục hành chính tư pháp; tăng cường công khai, minh bạch, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng; bồi thường cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động tố tụng và thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

Điều 13. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang

1. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; củng cố, tăng cường tình đoàn kết

quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, tham gia phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội.

3. Tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

4. Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan làm tốt công tác dân vận trên địa bàn đóng quân.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền các cấp trong tỉnh

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận; thực hiện nghiêm túc các quy định về dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách; các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các khoản thu, chi ngân sách và các nguồn khác; thủ tục hành chính và quy định giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp.

4. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận cùng cấp chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền.

5. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền.

6. Phối hợp với ban dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu, thực hiện công tác dân vận. Định kỳ quý, 06 tháng, một năm có chương trình làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

7. Phân công đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

8. Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH

Điều 15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thực hiện vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội và thống nhất trong nhân dân.

2. Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

3. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, những vấn đề bức xúc của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, các cơ quan có thẩm quyền.

4. Chủ động phối hợp với chính quyền và các ngành tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; phát huy vai trò của cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân; làm nòng cốt triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hoạt động tự quản, hoà giải trong cộng đồng dân cư.

5. Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật. Tập hợp ý kiến, kiến nghị với Đảng, Nhà nước về những vấn đề nhân dân quan tâm và có trách nhiệm thông tin cho nhân dân biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hiệp thương giới thiệu nhân sự và vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm dân chủ, đúng luật định.

7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan vận động các tổ chức và người Việt Nam ở nước ngoài phát huy tinh thần yêu nước, hướng về Tổ quốc, đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, góp phần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân.

Điều 16. Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

1. Đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên trong tổ chức; làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia với cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện có hiệu quả giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

3. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; quy chế dân chủ ở cơ sở; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

4. Phối hợp hiệp thương thống nhất hành động với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5. Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và tham mưu, đề xuất giải pháp giải quyết; thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Tham gia thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ nhau, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; giữ quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương III PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 17. Việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quy định, kết luận về công tác dân vận và những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi trực tiếp của nhân dân.

1. Những chủ trương của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền về công tác dân vận và có liên quan đến quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân phải được lấy ý kiến của ban dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trước khi ban hành thực hiện.

2. Trường hợp cụ thể các chủ trương, chính sách có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của nhân dân được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến; đồng thời, tuyên truyền, vận động để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với Đảng, chính quyền về những vấn đề được lấy ý kiến.

4. Ban dân vận cấp ủy các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng hợp ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo cáo cấp ủy cùng cấp.

Điều 18. Việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, các quyết định hành chính có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

1. Các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện phải chủ động phối hợp với ban dân vận của cấp ủy cùng cấp để phổ biến, triển khai tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt vận động nhân dân thực hiện.

2. Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quyết định hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân cho ban dân vận của cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để có cơ sở tham mưu cho cấp ủy và phối hợp vận động quần chúng nhân dân thực hiện.

Điều 19. Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân vận của hệ thống chính trị; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thường xuyên cập nhật kiến thức về công tác dân vận, gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; phân công cán bộ phụ trách, cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận có năng lực, đạo đức, uy tín, kinh nghiệm.

Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu có trách nhiệm thực hiện tốt công tác dân vận theo quy định của Đảng và Nhà nước; gương mẫu thực thi công vụ, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Điều 20. Cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

Điều 21. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ để nâng cao hiệu quả công tác dân vận thông qua các cơ chế phối hợp liên ngành, chương trình phối hợp, hội nghị giao ban định kỳ, chuyên đề.

Điều 22. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri.

1. Chính quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri cho ban dân vận, ủy ban kiểm tra của

cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để phối hợp giải quyết, nhất là khi có khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp. Kết quả giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, ý kiến, kiến nghị của cử tri phải được trả lời cho công dân hoặc cử tri và thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cử tri biết.

2. Trường hợp vụ việc phức tạp, khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đúng các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với chính quyền để vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện quyết định đó; khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng với các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy đề nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 23. Công tác phối hợp giải quyết vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1. Khi xảy ra vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì cơ quan chính quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy đảng; đồng thời phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giải quyết theo thẩm quyền để sớm ổn định tình hình.

2. Trường hợp quá phức tạp, nghiêm trọng hoặc vượt quá thẩm quyền, cần kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền cấp trên. Khi có đề nghị của cấp ủy, chính quyền cấp dưới trực tiếp hoặc xét thấy cần thiết, cấp ủy, chính quyền cấp trên thành lập đoàn công tác giúp địa phương giải quyết.

3. Việc cử cán bộ của các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giải quyết vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất của cấp ủy đảng và theo yêu cầu cụ thể của công việc mà phân công cán bộ hợp lý.

4. Đối với những trường hợp lợi dụng dân chủ, kích động quần chúng gây rối, làm mất an ninh, trật tự thì cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

1. Cấp ủy, tổ chức đảng định kỳ làm việc với ban dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan cùng cấp để nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; đánh giá kết quả, định hướng công tác dân vận đáp ứng tình hình thực tiễn.

2. Định kỳ hàng quý, 06 tháng và năm: Chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy, đồng gửi ban dân vận cùng cấp; cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy cấp trên.

3. Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Những trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, các ngành liên quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; ban dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy những nội dung có liên quan đến công tác dân vận phải gửi văn bản đến Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Dân vận Tỉnh ủy trước thời gian 07 ngày làm việc. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Văn Phòng Tỉnh ủy thẩm định trình Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 26. Căn cứ quy chế này, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng hoặc bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Điều 27. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 28. Hàng năm, các tổ chức trong hệ thống chính trị kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.

Điều 29. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, chưa phù hợp, Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy đề xuất trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế cho phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực tiễn của tỉnh Hậu Giang.
